

KINH TẾ VIỆT NAM NĂM 2009 VÀ 2010: NHIỀU BIẾN ĐỘNG VÀ THÁCH THỨC

*Nguyễn Văn Dân**

*Hải Ninh***

Khi Việt Nam bước vào năm 2009, khủng hoảng kinh tế toàn cầu đang trên đà tăng tốc và nền kinh tế trong nước có nguy cơ rơi vào suy thoái nghiêm trọng, thất nghiệp và lạm phát có chiều hướng tăng cao, thâm hụt thương mại và ngân sách ngày càng lớn, thị trường chứng khoán giảm sâu... Trong lĩnh vực đối ngoại, là một nước tăng trưởng dựa nhiều vào xuất khẩu và đầu tư nước ngoài, Việt Nam được dự báo là sẽ chịu ảnh hưởng lớn do doanh số xuất khẩu giảm sút và đầu tư nước ngoài thu hẹp. Tuy vậy, kết thúc năm 2009, Việt Nam vẫn là một trong số ít các nước có tốc độ tăng trưởng khá cao; kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định; an sinh và phúc lợi xã hội được đảm bảo; an ninh chính trị và trật tự xã hội được giữ vững; vị thế của nước ta trên trường quốc tế ổn định và ngày càng được nâng cao.

Năm 2010, tuy kinh tế thế giới có những chuyển biến tích cực nhưng còn nhiều khó khăn và tiềm ẩn nhiều nguy cơ. Các nền kinh tế phát triển, hiện là thị trường xuất khẩu chính và có vốn đầu tư lớn vào nước ta, vẫn còn nhiều khó khăn, tăng trưởng của các nền kinh tế này chỉ khoảng 1,3%, nhu cầu nhập khẩu được dự báo chỉ tăng 1,5%, thấp hơn mức tăng trưởng chung của thương mại thế giới, nguy cơ lạm phát và “bong bóng” nhà đất vẫn có nguy cơ bùng phát trở lại, tỉ lệ thất nghiệp vẫn còn cao. Nhiều nước đang trong quá trình lựa chọn giữa một bên là tiếp tục chính sách kích thích kinh tế, nới lỏng tín dụng và một bên là thu hẹp các chính sách này. Đồng USD – đồng tiền chủ yếu trong thanh toán quốc tế đang biến động, tác động đến giá cả nhiều mặt hàng và các kênh đầu tư. Một số nền kinh tế đang có sự điều chỉnh mối quan hệ giữa tích lũy và tiêu dùng; chủ nghĩa bảo hộ có xu hướng tăng lên. Giá các nguyên nhiên liệu, nhất là giá vàng và dầu

* Phó giáo sư, Tiến sĩ, Học viện Tài chính

** Viện Kinh tế và Chính trị Thế giới

mó, vẫn trong xu hướng biến động khó lường. Trong bối cảnh đó, với một nền kinh tế có độ mở lớn, hội nhập sâu rộng với kinh tế thế giới và còn phụ thuộc khá nhiều vào các yếu tố bên ngoài như kinh tế Việt Nam, thì độ rủi ro và tính chất bất định sẽ còn rất lớn, chủ yếu là thương mại và đầu tư. Đây là những thử thách to lớn đối với nền kinh tế và với chính phủ - với tư cách là thuyền trưởng chèo lái con thuyền kinh tế vừa "giong buồm ra biển lớn hội nhập" được hai năm.

1. Hoạt động thương mại giảm sút và thâm hụt nặng nề

Sự biến động của cầu thế giới trong thời gian qua đã có tác dụng tiêu cực đến hoạt động xuất khẩu của Việt Nam. Trong năm 2009, kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam giảm 10,8% so với năm 2008 còn 68,8 tỉ USD, nhưng do kim ngạch xuất khẩu cũng chỉ đạt 56,6 tỉ USD, giảm 9,7%, nên nhập siêu tuy giảm so với mức 32,1% của 2008 nhưng vẫn chiếm tới 21,6% GDP. Cũng giống như trước đây, việc thâm hụt mậu dịch quốc tế tăng liên tục đã tạo nên sức ép thường trực lên giá trị của VNĐ. Tình trạng đó buộc Việt Nam phải tuyên bố nới rộng biên độ dao động tỉ giá lên 5,4% giá trị VNĐ vào hồi cuối tháng 11 vừa qua.

Năm 2010, kinh tế thế giới đang trên đà phục hồi nhưng khá chậm và bấp bênh, nên thương mại quốc tế dự kiến cũng chỉ tăng có 1,5%. Do đó, xuất khẩu của Việt Nam trong thời gian tới khó có thể đạt được mức tăng cao như thời gian trước khủng hoảng, thậm chí nếu không có những giải pháp nhằm tăng

nhANH NĂNG LỰC CẠNH TRANH. khi các nước phục hồi về tiêu dùng, thị phần hàng hoá xuất khẩu của Việt Nam có thể sẽ rơi vào tay nhiều đối thủ cạnh tranh khác. Bên cạnh đó, xu hướng bảo hộ mậu dịch ở các thị trường đang tăng lên, chưa kể các thủ tục về cảng, hải quan...cũng là một sức ép lớn cho các doanh nghiệp xuất khẩu trong nước. Trước tình hình trên, dự báo xuất khẩu của Việt Nam chỉ đạt mức tăng trưởng thấp, dưới 10% trong năm 2010.

Đi cùng với sự phục hồi kinh tế thế giới, giá cả nhiều mặt hàng cơ bản sẽ tăng dần trở lại, tạo áp lực lạm phát tại nhiều quốc gia. Trong điều kiện như vậy, cùng với áp lực tăng lạm phát do chính sách tài khoá và tiền tệ mở rộng để hỗ trợ cho hoạt động sản xuất - kinh doanh thì nguy cơ lạm phát tại Việt Nam cũng sẽ rất lớn, mặc dù đã được kiểm chế ở mức 7% năm 2009. Theo cảnh báo của nhiều chuyên gia, nếu không có những biện pháp phòng ngừa căn bản có hiệu quả cao, như cải cách hệ thống thuế, cải thiện hệ thống an sinh xã hội, khai thác tốt và triệt để hơn nhu cầu nội địa, để tạo thêm động lực cho tăng trưởng kinh tế, thay vì chỉ dựa vào xuất khẩu sang các thị trường nước ngoài (vẫn đang còn trong tình trạng trì trệ và bấp bênh) thì sẽ rất khó có thể duy trì được sự phục hồi và ổn định được đà tăng trưởng đã có. Nếu điều đó xảy ra, thì trong năm 2010, lạm phát của Việt Nam có thể trở lại mức cao, gây khó khăn cho việc thực hiện mục tiêu tăng trưởng và phát triển của năm 2010 và các năm tiếp theo.

2. Đầu tư trực tiếp nước ngoài ít thực chất

Sau khủng hoảng kinh tế toàn cầu, các nhà đầu tư nước ngoài đã và đang cơ cấu lại và điều chỉnh chiến lược kinh doanh, điều đó ảnh hưởng đến các dự án đang được triển khai thực hiện và các dự án đang trong quá trình đàm phán. Tuy nhiên, Việt Nam vẫn là điểm thu hút các nhà đầu tư nước ngoài trong dài hạn. Điều này được thể hiện rõ nét qua sự biến động về số dự án và số vốn đăng ký FDI trong 2 năm 2008 và 2009.

Nguồn vốn FDI nhận được trong năm 2009 suy giảm, chỉ đạt ở mức thấp khoảng 21.48 tỉ USD, bằng 30% so với năm 2008, trong đó 839 dự án đăng ký cấp mới với số vốn đạt 16,3 tỉ USD (giảm tương ứng 46,1% số dự án và 75,4% về vốn so với năm 2008); và số lượt dự án tăng vốn đạt 215 dự án với số vốn đạt 5.1 tỉ USD, giảm không đáng kể so với năm 2008. Mặc dù số vốn đăng ký giảm mạnh, số vốn thực hiện vẫn đạt ở mức khá (khoảng 10 tỉ USD, giảm 13% so với năm 2008). Theo đó, khoảng cách giữa vốn đăng ký và vốn thực hiện đã thu hẹp lại so với năm trước. Tỷ lệ giữa vốn thực hiện và vốn đăng ký năm 2007 là 37,56%, năm 2008 giảm xuống còn 16%, thì năm 2009 đã tăng lên 46,55%.

Không những giảm hẳn về lượng mà vốn FDI năm 2009 còn chuyển hướng lĩnh vực đầu tư. Trong năm 2009, để duy trì thành tích thu hút đầu tư, Việt Nam đã phải chấp nhận cho FDI chảy mạnh vào các khu vực "bong bóng" như vào các ngành dịch vụ đặc biệt (kinh doanh bất động sản và lĩnh vực

dịch vụ lưu trú và ăn uống) thay vì vào các khu vực công nghệ, kỹ thuật, hạ tầng hay giáo dục là các khu vực có tác dụng nâng cao năng suất của nền kinh tế về dài hạn. Số dự án cấp mới trong ngành dịch vụ năm 2009 đạt 498 dự án với 13,2 tỉ USD (chiếm tương ứng 59,3% và 81,2% tổng số dự án cấp mới và vốn FDI), trong khi ngành công nghiệp chỉ đạt 325 dự án với 3,0 tỉ USD (chiếm tương ứng 38,7% và 18,3%).

Mặc dù hậu quả của khủng hoảng kinh tế toàn cầu vừa qua vẫn là nguyên nhân chính khiến vốn FDI vào Việt Nam giảm, nhưng bên cạnh đó, nền kinh tế Việt Nam vẫn tồn tại những yếu kém đã hạn chế luồng vốn FDI đăng ký cũng như thực hiện tại Việt Nam. Cụ thể như: (1) Hệ thống luật pháp, chính sách về đầu tư thiếu đồng bộ; (2) Thủ tục hành chính rườm rà, quan liêu; (3) Hạ tầng cơ sở yếu kém, nhất là khả năng cung cấp điện, cấp thoát nước, hệ thống đường giao thông, cảng biển... phục vụ cho sản xuất và xuất nhập khẩu; (4) Chi phí đầu vào của Việt Nam hiện ở mức cao; (5) Chi phí đất đai cũng ngày càng tăng; (6) Công tác xúc tiến đầu tư chưa thực sự hiệu quả và thiếu tính chuyên nghiệp;...trong đó, rào cản về thủ tục, nhân lực vẫn là trở ngại lớn để nuôi dưỡng nguồn đầu tư FDI.

3. Chèo lái tốt vượt qua khủng hoảng

Tuy vậy, trong bối cảnh như vậy, tăng trưởng kinh tế Việt Nam ước tính trong năm 2009 đạt 5,32%, vượt mục tiêu đề ra và đứng vào hàng các nền kinh tế có tốc độ tăng trưởng cao của khu vực và trên thế giới. Việt

Nam là nước duy nhất trong khối ASEAN luôn tăng trưởng trong tất cả 4 quý của năm 2009, lần lượt từng quý là 3,14% trong quý I - thấp nhất trong nhiều năm gần đây, sau đó là 4,46% trong quý II, 6,04% trong quý III và 6,9% trong quý IV. GDP tăng dần và ổn định qua các quý cũng cho thấy kinh tế Việt Nam đã ra khỏi thời điểm xấu nhất và đang trên đà phục hồi. Sản xuất công nghiệp thoát khỏi tình trạng trì trệ những tháng đầu năm và cả năm đã tăng 7,6%. Trong khi đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 1,83% và dịch vụ tăng 6,63%. Sản xuất nông nghiệp được mùa với sản lượng lúa cả năm đạt 38,9 triệu tấn, tăng 165.700 tấn so với năm 2008. Chính sách kích thích kinh tế và sự điều hành linh hoạt của chính phủ là một lý do quyết định đưa Việt Nam ra khỏi "đáy" và tăng trưởng ổn định.

Trong năm 2009, vốn đầu tư toàn xã hội ước tính tăng 15,3% so với 2008 và bằng 42,8% GDP. Vốn đầu tư từ khu vực nhà nước tăng 40,5%, trong đó vốn từ ngân sách chiếm 21,8% tổng vốn, tăng 6,8% so với kế hoạch năm. Vốn đầu tư ngoài nhà nước năm 2009 tăng 13,9% trong khi khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài giảm 5,8%.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng theo giá thực tế cả năm ước đạt 1.197,5 nghìn tỷ đồng, tăng 18,6%. Nếu loại trừ yếu tố giá thì mức tăng đạt 11% so với 2008. Trong khi đó, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tăng 6,52%, thấp hơn mức 7% đặt ra trong kế hoạch trước đó.

Về mức sống của người dân, theo số liệu được công bố, thu nhập bình quân hàng tháng của lao động khu vực nhà nước năm 2009 đạt trên 3 triệu đồng, tăng 14,2% so với 2008. Bất chấp tình hình kinh tế khó khăn, tỷ lệ hộ nghèo giảm hơn 1%, xuống còn 12,3% trong năm 2009.

Về tổng thu ngân sách, không đưa ra con số cụ thể, báo cáo của Tổng cục Thống kê cho biết, mặc dù kinh tế khó khăn, song tổng thu ngân sách nhà nước tính đến 15/12/2009 "ước đạt xấp xỉ dự toán năm" (dự toán theo số liệu của Bộ Tài chính là 389.300 nghìn tỷ đồng). Trong khi đó, tổng chi ngân sách cũng vào thời điểm này ước tính bằng 96,2% dự toán năm. Thâm hụt ngân sách trong cả năm lên tới 7% GDP.

Cùng với sự khởi sắc của nền kinh tế và các chỉ số kinh tế vĩ mô khác, thị trường chứng khoán (TTCK) Việt Nam cũng bước vào hồi phục rất ấn tượng. TTCK bắt đầu năm 2009 với chỉ số VNIndex nằm ở mức 315 điểm, sau đó tụt xuống thấp nhất ở mức 235 điểm vào ngày 24/2/2009, giảm 25,4%. Từ đó đến nay, TTCK, mặc dù có dao động lên xuống, song đã hồi phục mạnh mẽ, với VNIndex đạt trần ở mức 624 điểm vào ngày 22/10, tức tăng khoảng 100% so với hồi đầu năm và 165% so với thời điểm chỉ số này chạm đáy. Tuy nhiên, VNIndex đã liên tục giảm trở lại từ cuối tháng 10 và hiện nay (ngày 14/1/2010) ở mức 516,44 điểm.

Thành tích ấn tượng, thể hiện bằng tốc độ tăng trưởng khá và các chỉ số kinh tế vĩ mô

tương đối khả quan ở trên. đã được Ngân hàng Thế giới (WB) ca ngợi "Việt Nam chèo chống tương đối tốt con thuyền kinh tế vượt qua cuộc khủng hoảng". còn IMF thì tuyên bố "Việt Nam chắc chắn sẽ làm tốt hơn các nước láng giềng trong giai đoạn hồi phục". Đúng là như vậy, duy trì được tốc độ tăng trưởng tương đối tốt trong điều kiện thế giới chìm đắm trong cuộc khủng hoảng tồi tệ nhất kể từ cuộc đại suy thoái đầu những năm 1930 rõ ràng là thành tích ấn tượng nhất trong lĩnh vực quản lý kinh tế của chính phủ trong năm 2009.

4. Bức tranh kinh tế không chỉ toàn màu hồng

Tuy vậy, trong năm 2009, kinh tế Việt Nam không chỉ toàn màu hồng, mà đây đó vẫn tồn tại những điểm tối, biểu hiện của những điểm yếu và mất cân đối cố hữu của nền kinh tế và tác động không nhỏ đến sự tiến triển cả trước mắt lẫn lâu dài của nền kinh tế và xã hội.

a) Nền kinh tế "chạy" không nhanh nhưng luôn "quá nóng"

Điểm đau đầu nhất mà chính phủ Việt Nam đang gặp phải có lẽ là kinh tế Việt Nam đang bị coi là ở trong tình trạng "quá nóng" với nguy cơ lạm phát luôn rình rập và bùng phát trở lại bất cứ lúc nào mặc dù tốc độ tăng trưởng không thực sự cao, nếu so sánh với tốc độ tăng kinh tế của các nước Đông Á hay Trung Quốc một vài thập niên trước. Mấu chốt của vấn đề này có lẽ ở chỗ cơ cấu kinh tế của Việt Nam đang bị mất cân đối nghiêm

trọng, với đặc điểm thiên nhiều về tăng trưởng theo chiều rộng, dựa nhiều vào nước ngoài về thị trường và đầu tư, ưu tiên quá nhiều cho các tập đoàn kinh tế nhà nước kém hiệu quả, và cần phải được điều chỉnh về cơ bản.

b) Hiệu quả sử dụng vốn quá thấp

Một thước đo thường được sử dụng để xác định hiệu quả sử dụng vốn là tỉ lệ vốn tăng thêm trên sản lượng (ICOR - Incremental Capital Output Ratio). Tỉ lệ này cho biết mức độ hiệu quả của việc sử dụng vốn trong sản xuất. Hệ số ICOR càng cao đồng nghĩa với việc Việt Nam càng phải sử dụng nhiều vốn hơn chỉ để sản xuất ra một sản lượng như trước và cũng có nghĩa là hiệu quả đầu tư trong nền kinh tế càng thấp. Chất lượng tăng trưởng thấp kéo dài là tiền đề gây nên lạm phát, khủng hoảng và suy thoái kinh tế. Hệ số ICOR của nước ta trong các năm 2001-2007 là 5,2 nghĩa là cần 5,2 đồng vốn đầu tư để tăng được một đồng GDP, cao gấp rưỡi đến gấp hai nhiều nước xung quanh trong thời kỳ đầu công nghiệp hoá. Các nước làm giỏi, ICOR của họ thời kỳ đầu CNH là trên dưới 3. Dù các chuyên gia quan ngại và lên tiếng cảnh báo từ lâu nhưng, đến năm 2008, chỉ số ICOR Việt Nam lại vượt ngưỡng, lên mức 6,66. Và năm 2009, một lần nữa, chỉ số ICOR ở mức mới. Theo tính toán của Ủy ban Tài chính và Ngân sách của Quốc hội, hệ số ICOR năm 2009 của Việt Nam đã lên tới 8, mức cao nhất từ trước tới nay. Hệ số ICOR cao đồng nghĩa với việc trong cuộc "so găng" với các đối thủ trong

khu vực, với thể trạng kinh tế yếu như hiện nay, nếu các nước chỉ cần một lần có thể nhắc được mục tiêu, thì Việt Nam phải tốn sức gấp đôi, thậm chí gấp ba. Đặt trong tương quan với việc Việt Nam tụt hạng về năng lực cạnh tranh theo đánh giá của Ngân hàng Thế giới, cũng như của Diễn đàn Kinh tế Thế giới, việc hệ số ICOR tăng thể hiện rõ xu hướng đi xuống của nền kinh tế và điều đó là hết sức bất lợi cho một nền kinh tế dựa vào xuất khẩu.

Do những khó khăn và hiệu quả kinh tế kém như vậy, nên năng lực cạnh tranh tăng trưởng (GCI) của Việt Nam đang giảm sút tương đối. Theo công bố gần đây của Diễn đàn Kinh tế Thế giới (WEF), trong năm 2009, Việt Nam đã tụt hạng 5 bậc từ 70/134 xuống 75/133 nền kinh tế so với năm trước trong bảng xếp hạng chung, trong đó có đóng góp quan trọng của sự thay đổi trong chỉ tiêu về ổn định kinh tế vĩ mô, tụt hạng sâu 42 bậc, từ 70 xuống 112. Tương tự như vậy, trong bảng xếp hạng về môi trường kinh doanh do Ngân hàng Thế giới công bố, Việt Nam bị tụt 2 bậc, trong 10 chỉ tiêu đánh giá, Việt Nam bị tụt hạng về 9 chỉ tiêu, chỉ lên hạng về chỉ tiêu thực hiện hợp đồng. So sánh chỉ tiêu năng lực cạnh tranh tăng trưởng (GCI) do Diễn đàn Kinh tế Thế giới công bố giữa Việt Nam và Trung Quốc trong sáu năm qua cho thấy khoảng cách giữa Việt Nam và Trung Quốc ngày càng xa, trong khi Trung Quốc liên tục tăng hạng thì Việt Nam liên tục tụt hạng từ năm 2007 cho đến nay.

Đứng trước tình trạng đó, các chủ nợ như WB, ADB,... đang kêu gọi Việt Nam nên

tăng trưởng chậm lại hay ổn định tốc độ tăng trưởng hơn là đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng sau khủng hoảng và tập trung vào giải quyết các vấn đề đang tồn đọng, các nút thắt gây trở ngại cho nền kinh tế (như cơ sở hạ tầng yếu kém, nguồn nhân lực không phù hợp và thủ tục hành chính rườm rà), tái cấu trúc nền kinh tế nhằm duy trì khả năng tăng trưởng bền vững trong dài hạn.

Cho đến nay, kinh tế thế giới đã bước vào hồi phục sau khủng hoảng và bức tranh thế giới hậu khủng hoảng đang dần dần hình thành. Tuy nhiên, vẫn còn một chặng đường dài với rất nhiều khó khăn để nền kinh tế thế giới hồi phục được mức tăng trưởng trước khủng hoảng. Những tác động của khủng hoảng cho thấy các quốc gia, trong đó có Việt Nam cần chú trọng hơn nữa vào chất lượng thay vì số lượng. Hiện tượng suy thoái của nền kinh tế trong thời gian qua mới chỉ là sự phản ánh trên bề mặt nền kinh tế của những mất cân bằng bên trong. Cơ cấu kinh tế chậm thay đổi đầu tư không hiệu quả, năng suất lao động thấp, sức cạnh tranh của nền kinh tế còn yếu, chất lượng hàng hoá kém, sự xuống cấp của môi trường trầm trọng,...là những biểu hiện rõ nét của sự phát triển chưa bền vững. Việc chú trọng chất lượng, nâng cao giám sát chất lượng, là chính sách cần thiết để cải thiện nội lực của nền kinh tế. Điều này cũng giúp đẩy mạnh việc khai thác các thị trường nội địa, làm giảm bớt nguy cơ rủi ro trước những biến động trong môi trường thương mại quốc tế.

Do tình hình kinh tế thế giới đang biến động rất khó lường, sang năm 2010 này.

chúng ta cần theo sát các động thái phát triển của nền kinh tế, phấn đấu từng bước đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế cao hơn, giải quyết tốt hơn các vấn đề xã hội, và tiến hành sớm việc tái cơ cấu nền kinh tế theo hướng hiện đại và bền vững.

Tài liệu tham khảo

1. Lưu Ngọc Trinh, *Kinh tế thế giới năm 2009: Một năm sóng gió*, Tạp chí nghiên cứu châu Phi và Trung Đông, số 1/2010.
2. Võ Đại Lộc, *Kinh tế thế giới 2010 và các yếu tố tác động tới Việt Nam*, Kỳ yếu Hội thảo “Kinh tế Việt Nam năm 2010: Nhận diện cơ hội đầu tư-kinh doanh”, Hà Nội, ngày 14/1/2010.
3. Trần Đình Thiên, *Kinh tế thế giới 2010: Nhận diện vấn đề và đánh giá triển vọng*, Nguồn như trên;
4. Lê Đình Ân, *Dự báo tăng trưởng kinh tế thế giới năm 2010 và một số tác động tới Việt Nam*, Nguồn như trên;
5. Lê Đình Ân, *Các phương án tăng trưởng và những vấn đề đặt ra cho kinh tế Việt Nam năm 2010*, Nguồn như trên;
6. Nguyễn Mai, *Một số vấn đề kinh tế Việt Nam năm 2010*, Nguồn như trên;
7. Đoàn Hồng Quang, *Kinh tế Thế giới và các yếu tố tác động tới kinh tế Việt Nam năm 2010*, Nguồn như trên;
8. Nguyễn Đình Cung, *Một vài cảm nhận về môi trường kinh doanh năm 2010*, Nguồn như trên;
9. TTXVN, *Kinh tế Việt Nam: Một năm nhìn lại*, Tin Kinh tế, số 104-TTX, ngày 10/1/2010, tr. 1-4.
10. Các mạng Vnexpress.net, Dantri.com.vn; Vitinfo.com.vn; Vietnamplus.vn;... tháng 12/2009 và tháng 1/2010.